

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH QUAN VCHOICE GREEN VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH QUAN VCHOICE GREEN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VCHOICE GREEN LANDSCAPE VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VCHOICE GREEN LANDSCAPE .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108175816

3. Ngày thành lập: 05/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6 Tòa nhà Việt Á, Số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
8.	Trồng cây hàng năm khác	0119
9.	Trồng cây ăn quả	0121
10.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
11.	Trồng cây cao su	0125
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
13.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
14.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15.	Bán buôn gạo	4631
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa	5229
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

21.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
22.	Chăn nuôi lợn	0145
23.	Chăn nuôi gia cầm	0146
24.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
27.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
28.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
29.	Khai thác gỗ	0221
30.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại nhà nước cấm)	0222
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
33.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
34.	Bán buôn thực phẩm	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật mang tính thương mại (trừ đồ cổ).	4773
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
38.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học; - Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; - Tư vấn về môi trường.	7210(Chính)
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: Động cơ, Dụng cụ máy, Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, Thiết bị sản xuất điện ảnh, Thiết bị đo lường và điều khiển, Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác; - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không có người điều khiển: Mô tô, xe lưu động, cắm trại..., Động cơ tàu hỏa; - Cho thuê thiết bị vận tải đường thủy không kèm người điều khiển: Thuyền và tàu thương mại;	7730
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Khai thác thủy sản biển	0311

43.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
44.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
45.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
46.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
47.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
48.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
49.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
50.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
53.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
54.	In ấn	1811
55.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất các hợp chất hữu cơ khác, bao gồm sản phẩm chưng cất từ gỗ (như than củi)	2011
56.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
57.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất tinh dầu tự nhiên; - Sản xuất hương các loại; Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên	2029
58.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
59.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất chậu hoa, tượng từ bê tông, xi măng, đá nhân tạo	2395
60.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

61.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế an toàn phòng chống cháy nổ công trình Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Tư vấn Quản lý dự án xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Thi công xây dựng công trình;	7110
62.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất đồ trang trí bằng gốm	2392
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
65.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

67.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
68.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt Hệ thống lò sưởi (điện, ga, dầu); - Lò sưởi, tháp làm lạnh; - Máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện; - Thiết bị bơm và vệ sinh; - Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà nhiệt độ; - Thiết bị lắp đặt ga; - Bơm hơi; - Hệ thống đánh lửa; - Hệ thống đánh cỏ; - Lắp đặt hệ thống ống dẫn.	4329
69.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
70.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
71.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
72.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
73.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
74.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn thiết bị ngành nước và xử lý nước thải	4659
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
80.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
83.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
84.	Sản xuất giống thủy sản	0323
85.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
86.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
87.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

88.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn hương các loại: bán tinh dầu và nguyên liệu trầm hương;	4669
89.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
90.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
91.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
92.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản	6820
93.	Quảng cáo	7310
94.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	7490
95.	Trồng cây điều	0123
96.	Trồng cây hồ tiêu	0124
97.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
98.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
99.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bình lớn, chai lọ bằng nhựa	2220
100.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh Chi tiết: Sản xuất chai và các vật dụng khác bằng thủy tinh	2310
101.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không bao gồm tổ chức họp báo và các chương trình Nhà nước cấm)	8230
102.	Dịch vụ đóng gói (Không bao gồm Đóng gói bảo quản dược liệu)	8292
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
105.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
106.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
107.	Trồng cây cà phê	0126
108.	Trồng cây chè	0127
109.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
110.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
111.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
112.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

113.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời	4290
114.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng; Cụ thể: + Dây dẫn và thiết bị điện, + Đường dây thông tin liên lạc, + Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, + Đèn vệ tinh, + Hệ thống chiếu sáng, + Chuông báo cháy, + Hệ thống báo động chống trộm, + Tín hiệu điện và đèn trên đường phố, + Đèn trên đường băng sân bay.	4321
115.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	MAI VĂN SỸ	X4 TTNC Bò, Xã Tân Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	45,000	036085001086	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	45,000		

